

Rx

VinCynon

"Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc"

"Để xa tầm tay trẻ em"

"Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng"

Thành phần công thức của thuốc:

Cho 01 ống 4 ml chứa:

Thành phần dược chất: Etamsylat500 mg

Thành phần tá dược: Natri metabisulfit, natri hydroxid,
nước cất pha tiêm v.v4 ml

Dạng bào chế:

Dạng bào chế: Dung dịch tiêm

Hình thức: Chế phẩm là dung dịch trong, được đóng trong ống thủy tinh, hàn kín, không rạn nứt, không đen đầu.

pH = 5,0 + 7,0

Chỉ định:

Điều trị ngắn hạn mất máu trong chứng đa kinh.

Chảy máu do vỡ các mao mạch.

Phẫu thuật chung hoặc phẫu thuật chuyên khoa (mắt, phụ khoa, tai - mũi - họng):

Giảm mất máu trong phẫu thuật, đặc biệt là chảy máu ồ ạt ở những người bệnh đang dùng thuốc chống đông máu.

Liều dùng - cách dùng:

Liều dùng:

*** Người lớn:**

- Trước phẫu thuật:

+ Tiêm tĩnh mạch hay tiêm bắp (250 - 500 mg) 1 giờ trước phẫu thuật.

+ Tiêm tĩnh mạch (250 - 500 mg), liều nhắc lại nếu cần.

- Sau phẫu thuật: Tiêm (250 - 500 mg) cứ lặp lại 4 - 6 giờ khi nguy cơ chảy máu kéo dài.

- Trường hợp cấp cứu, tùy theo mức độ nghiêm trọng của từng trường hợp: Tiêm tĩnh mạch hoặc tiêm bắp (250 - 500 mg), cứ lặp lại 4 - 6 giờ khi nguy cơ chảy máu kéo dài.

- Điều trị tại chỗ: Sử dụng miếng gạc hay bông y tế đã được thấm dung dịch thuốc băng vào chỗ bị xuất huyết hoặc sau khi nhổ răng để có tác dụng cầm máu tại chỗ, có thể được nhắc lại nếu cần thiết hay kết hợp đường uống hoặc đường tiêm.

*** Trẻ em:** Dùng ½ liều người lớn.

Cách dùng: Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch.

Không có yêu cầu đặc biệt về xử lý thuốc sau khi sử dụng.

Chống chỉ định:

Người dị ứng với các thành phần của thuốc.

Rối loạn chuyển hóa porphyrin.

Hen phế quản, mẫn cảm với sulfit.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

Khi tiêm etamsylat có thể gây tụt huyết áp. Nên thận trọng khi dùng cho những bệnh nhân bị mất ổn định huyết áp và hạ huyết áp.

Lưu ý: Khi dùng etamsylat có thể xảy ra phản ứng kiểu phản vệ do natri metabisulfit.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai:

Các nghiên cứu trên động vật đã cho thấy không có bằng chứng gây quái thai. Không có khả năng gây quái thai hoặc dị tật bẩm sinh trên người. Thực tế khả năng gây quái thai sẽ tăng trên người khi gây quái thai trên nghiên cứu đối với động vật thực nghiệm. Nghiên cứu trên lâm sàng đến nay cũng không thấy độc tính trên phôi thai.

Tuy nhiên, không đủ bằng chứng về sử dụng etamsylat cho phụ nữ mang thai để loại trừ hết các nguy cơ có thể xảy ra. Do đó, việc sử dụng etamsylat chỉ nên được xem xét sử dụng cho phụ nữ mang thai nếu thực sự cần thiết.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ cho con bú:

Do thiếu các dữ liệu về bài tiết etamsylat vào sữa mẹ. Do đó, không cho con bú trong thời gian điều trị với etamsylat.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

Thuốc có thể gây tác dụng không mong muốn như nhức đầu, buồn nôn. Không lái xe, vận hành máy móc khi gặp phải bất cứ tác dụng không mong muốn nào của thuốc.

Tương tác thuốc:

Thiamin (vitamin B1) bị mất tác dụng bởi sulfit có trong thuốc tiêm etamsylat.

Tương kỵ thuốc:

Khi truyền dịch dextran, thì etamsylat phải được tiêm trước.

Tác dụng không mong muốn của thuốc (ADR):

Trong những trường hợp nhất định: khi tiêm etamsylat có thể gây tụt huyết áp.

Hiếm gặp: Đau dạ dày, buồn nôn, nhức đầu, phát ban.

Hướng dẫn cách xử trí ADR

Các triệu chứng sẽ biến mất một cách tự nhiên trong hầu hết các trường hợp.

"Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ

những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc"

Quá liều và cách xử trí:

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

Trong trường hợp quá liều nên bắt đầu bằng điều trị triệu chứng. Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

Đặc tính dược lực học:

Mã ATC: B02BX01

Etamsylat là một thuốc cầm máu. Thuốc duy trì sự ổn định của thành mao mạch và tăng sự kết dính tiểu cầu. Etamsylat được dùng để phòng và xử trí chảy máu ở các mạch máu nhỏ.

Đặc tính dược động học:

Dược động học của etamsylat đã được nghiên cứu ở người tình nguyện khỏe mạnh. Dư lượng etamsylat trong dịch cơ thể được xác định bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao. Sau liều tiêm tĩnh mạch hoặc tiêm bắp ở mức liều 500 mg etamsylat, nồng độ đỉnh trong máu đạt được 2 - 3 phút và 1 giờ sau khi dùng thuốc với đường dùng tương ứng. Nồng độ trong huyết tương đạt được sau 1 giờ là 30 µg/ml. Tỷ lệ được chất liên kết với protein trong huyết tương vào khoảng 95%. Thời gian bán thải là 1,8 - 2 giờ và 1,7 - 2,5 giờ sau khi dùng với đường dùng tương ứng. Etamsylat thải trừ chậm được bài tiết chủ yếu vào trong nước tiểu ở dạng không chuyển hóa (> 80%).

Quy cách đóng gói:

Hộp 2 vỉ x 5 ống x 4 ml

Hộp 10 vỉ x 5 ống x 4 ml

Điều kiện bảo quản:

Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC

Địa chỉ: 777 Đường Mê Linh, P. Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Số 777 Đường Mê Linh, P. Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

ĐT: 02113 861233 : Fax: 02113 862774

Địa chỉ nhà máy:

Thôn Mậu Thông, P. Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc